

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 833/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi Thanh T** - sinh năm: 1987

Nơi đăng ký HKTT: Số X, đường K, phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị H** - sinh năm: 1987

Nơi đăng ký HKTT: Số X, đường K, phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 107 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Thanh Tâm và bà Phan Thị Hường.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Thanh T và bà Phan Thị H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 101/2012, quyển số 01/2011 ngày 08/5/2012 của Ủy ban nhân dân phường H, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Bùi Thanh T và bà Phan Thị H có 01 con chung Bùi Thị T, sinh ngày 28/10/2013. Hai bên thỏa thuận thống nhất:

- *Việc nuôi dưỡng con chung*: Bà Phan Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Thị Anh T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

- *Việc cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Bùi Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Bùi Thị Anh T mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

- *Thời gian cấp dưỡng nuôi con*: Trước ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Bùi Thị T thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà H thống nhất tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Bùi Thanh T tự nguyện chịu, được miễn trừ 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0105069 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp xong).

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 12, TPHCM;
- Chi Cục THADS Quận 12, TPHCM;
- UBND phường H, Quận X, TPCHM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thùy Trang

